

UNIT 4: DID YOU GO TO THE PARTY?

I. VOCABULARY

English	Vietnamese		
1.	tham gia hội chợ vui chơi	13.	mời ai tới.....
2.	chơi trốn tìm	14.	chơi đàn ghi ta
3.	thích bữa tiệc	15.	nhảy múa, khiêu vũ
4.	xem TV	16.	hát
5.	đi sở thú	17.	chơi đàn piano
6.	đi chơi/ đi dã ngoại	18.	lễ hội
7.	nói chuyện với bạn bè	19.	món quà
8.	tiệc sinh nhật	20.	đồ ăn
9.	tham dự tiệc	21.	đồ uống
10.	phim hoạt hình	22.	bánh ngọt
11.	ở nhà	23.	kẹo
12.	tham gia/ tham dự	24.	hoa quả, trái cây

II. GRAMMAR

	<i>Tối qua bạn đã đi dự bữa tiệc có phải không?</i>
	<i>Không, tớ đã không đi.</i>
	<i>Tony đã ở nhà ngày hôm qua có phải không?</i>
	<i>Ừ, anh ấy đã ở nhà.</i>

	<i>Bạn đã làm gì ở bữa tiệc?</i>
	<i>Tớ đã chơi trốn tìm và nói chuyện với bạn bè.</i>
	<i>Bạn đã làm gì ở bữa tiệc?</i>
	<i>Tôi đã xem phim hoạt hình.</i>
	<i>Họ đã làm gì ở bữa tiệc.</i>
	<i>Họ đã ăn bánh và hoa quả.</i>

	<i>Anh ấy có thích bữa tiệc ko?</i>
	<i>Có, Bữa tiệc rất tuyệt.</i>
	<i>Bạn có thích bữa tiệc không?</i>
	<i>Có, mình rất thích.</i>